

Số: 197/CV-VTS/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 09/2025**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 09/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	BSC			BSC
3	BVS			BVS
4	CAP			CAP
5	CPC			CPC
6	CTB			CTB
7	D11			D11
8	DAD			DAD
9	DAE			DAE
10	DHP			DHP
11	DHT			DHT
12	DNC			DNC
13	DNP			DNP
14	DTD			DTD
15	DXP			DXP
16	GMX			GMX
17	HAD			HAD
18	HCC			HCC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	HJS			HJS
20	HLC			HLC
21	HTC			HTC
22	HUT			HUT
23	IDV			IDV
24	INC			INC
25	INN			INN
26	KST			KST
27	LHC			LHC
28	LIG			LIG
29	MBS			MBS
30	MCC			MCC
31	MCF			MCF
32	MDC			MDC
33	NAG			NAG
34	NET			NET
35	NFC			NFC
36	NTP			NTP
37	PBP			PBP
38	PCE			PCE
39	PMC			PMC
40	PMS			PMS
41	PPP			PPP
42	PSC			PSC
43	PSD			PSD
44	PSE			PSE
45	PSW			PSW
46	PTS			PTS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PVC			PVC
48	PVI			PVI
49	PVS			PVS
50	RCL			RCL
51	S55			S55
52	S99			S99
53	SAF			SAF
54	SD5			SD5
55	SD9			SD9
56	SDC			SDC
57	SDN			SDN
58	SGC			SGC
59	SHN			SHN
60	SJ1			SJ1
61	SLS			SLS
62	SMN			SMN
63	STC			STC
64	TA9			TA9
65	THD			THD
66	THS			THS
67	TNG			TNG
68	TTC			TTC
69	TV4			TV4
70	TVD			TVD
71	VBC			VBC
72	VC3			VC3
73	VC6			VC6
74	VC7			VC7

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	VCC			VCC
76	VCS			VCS
77	VGS			VGS
78	VNC			VNC
79	VNR			VNR
80	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BBC			BBC
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BSR			BSR
19	BTP			BTP
20	BTT			BTT
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	CCI			CCI
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CII			CII
27	CLC			CLC
28	CLW			CLW

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	CMG			CMG
30	CMV			CMV
31	CNG			CNG
32	COM			COM
33	CRC			CRC
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTS			CTS
40	CVT			CVT
41	DBC			DBC
42	DBD			DBD
43	DBT			DBT
44	DCL			DCL
45	DCM			DCM
46	DGC			DGC
47	DGW			DGW
48	DHA			DHA
49	DHC			DHC
50	DHG			DHG
51	DIG			DIG
52	DPG			DPG
53	DPM			DPM
54	DPR			DPR
55	DRC			DRC
56	DSN			DSN
57	DTT			DTT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DVP			DVP
59	DXG			DXG
60	EIB			EIB
61	ELC			ELC
62	FMC			FMC
63	FPT			FPT
64	FTS			FTS
65	GAS			GAS
66	GDT			GDT
67	GEG			GEG
68	GEX			GEX
69	GMD			GMD
70	GSP			GSP
71	GTA			GTA
72	GVR			GVR
73	HAH			HAH
74	HAX			HAX
75	HCM			HCM
76	HDB			HDB
77	HDC			HDC
78	HDG			HDG
79	HHS			HHS
80	HHV			HHV
81	HPG			HPG
82	HSG			HSG
83	HQC			HQC
84	HRC			HRC
85	HSL			HSL
86	HTI			HTI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
87	HTL			HTL
88	HTN			HTN
89	HTV			HTV
90	HUB			HUB
91	HVH			HVH
92	IDI			IDI
93	IJC			IJC
94	ILB			ILB
95	IMP			IMP
96	ITC			ITC
97	KBC			KBC
98	KDC			KDC
99	KDH			KDH
100	KSB			KSB
101	L10			L10
102	LBM			LBM
103	LCG			LCG
104	LGC			LGC
105	LIX			LIX
106	LSS			LSS
107	MBB			MBB
108	MSN			MSN
109	MWG			MWG
110	NAF			NAF
111	NBB			NBB
112	NCT			NCT
113	NHA			NHA
114	NHH			NHH
115	NLG			NLG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
116	NNC			NNC
117	NSC			NSC
118	NTL			NTL
119	OPC			OPC
120	PAC			PAC
121	PAN			PAN
122	PC1			PC1
123	PDN			PDN
124	PDR			PDR
125	PET			PET
126	PGC			PGC
127	PGD			PGD
128	PGI			PGI
129	PHR			PHR
130	PJT			PJT
131	PLX			PLX
132	PNJ			PNJ
133	POW			POW
134	PVD			PVD
135	PVT			PVT
136	REE			REE
137	SAB			SAB
138	SAM			SAM
139	SBA			SBA
140	SBT			SBT
141	SCR			SCR
142	SFG			SFG
143	SFI			SFI
144	SGN			SGN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	SHA			SHA
146	SHB			SHB
147	SHI			SHI
148	SHP			SHP
149	SJS			SJS
150	SMB			SMB
151	SRC			SRC
152	SSC			SSC
153	SSI			SSI
154	ST8			ST8
155	STB			STB
156	SVC			SVC
157	SVI			SVI
158	SVT			SVT
159	SZC			SZC
160	SZL			SZL
161	TBC			TBC
162	TCB			TCB
163	TCH			TCH
164	TCL			TCL
165	TCM			TCM
166	TCO			TCO
167	TCT			TCT
168	TDM			TDM
169	THG			THG
170	TIP			TIP
171	TIX			TIX
172	TLG			TLG
173	TMP			TMP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	TMS			TMS
175	TN1			TN1
176	TNC			TNC
177	TPB			TPB
178	TRA			TRA
179	TRC			TRC
180	TV2			TV2
181	TVS			TVS
182	TVT			TVT
183	UIC			UIC
184	VIB			VIB
185	VCB			VCB
186	VCF			VCF
187	VCG			VCG
188	VCI			VCI
189	VDP			VDP
190	VGC			VGC
191	VHC			VHC
192	VHM			VHM
193	VIX			VIX
194	VND			VND
195	VNM			VNM
196	VPB			VPB
197	VPD			VPD
198	VPG			VPG
199	VPI			VPI
200	VRC			VRC
201	VRE			VRE
202	VSC			VSC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
203	VSI			VSI
204	YBM			YBM
205	YEG			YEG

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty: <http://vts.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN